**HƯỚNG DẪN NHẬP HỌC TỪ XA**

Sau khi sinh viên đăng ký xét tuyển thành công, sinh viên sẽ nhận được MÃ HỒ SƠ từ dòng thông báo trên trang đăng ký xét tuyển. Sinh viên thực hiện thủ tục nhập học như sau:

**\* BƯỚC 1. NỘP HỌC PHÍ HKI/2021-2022 VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC**

\* Sinh viên có thể chọn 01 trong 02 cách sau để nộp học phí và các khoản thu khác cho nhà trường như sau:

**Cách 1: Nộp học phí qua Ngân hàng**

**Thông tin tài khoản thụ hưởng:**

* Tên tài khoản: Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh
* Số tài khoản: **0016100036868688**

Tại: Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình - Phòng giao dịch Tân Phú

* Số tài khoản: **1603201043543**

Tại: Ngân hàng AGRIBANK - Chi nhánh Lý Thường Kiệt, TP. HCM

**1.1. Đối với hình thức giao dịch tiền mặt tại quầy, khi đến ngân hàng (bất cứ ngân hàng nào trên toàn quốc), sinh viên chú ý điền đầy đủ thông tin vào Giấy nộp tiền:**

* Họ tên sinh viên: (điền đầy đủ thông tin)
* Mã Hồ sơ: (điền đầy đủ thông tin)
* Số điện thoại người nộp: Điện thoại di động
* Nội dung nộp: Học phí nhập học (2021-2022)

***Ví dụ - Nội dung nộp tiền****:*

Nguyễn Văn A, **21T412345**, 0909123456, Học phí nhập học (2021-2022)

**1.2. Đối với hình thức chuyển khoản qua Mobile Banking, Internet Banking:**

Cú pháp chuyển tiền**: “HOVATEN MAHOSO SDT NHAPHOC2021”**

**Trong đó:**

* HOVATEN: Họ tên sinh viên (viết liền, không dấu);
* MAHOSO: Mã Hồ Sơ
* Số điện thoại người nộp: Điện thoại di động
* NOIDUNGNOP: NHAPHOC2021

***Ví dụ - Cú pháp chuyển tiền***: Đóng học phí HK1 (2021-2022) của sinh viên Nguyễn Văn A, Mã hồ sơ 21T412345:

**“NGUYENVANA 21T412345 0909123456 NHAPHOC2021”**

**Cách 2: Nộp trực tiếp tại Phòng Kế hoạch – Tài chính, Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM, số 390 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, TPHCM**

\* Số tiền học phí và các khoản thu khác: **Sinh viên đóng đủ cả 03 khoản**

**1. Cao đẳng - chính quy 2,5 năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thu** | **Khối ngành Kỹ thuật, Du lịch, Khách sạn, Nhà hàng** | **Khối ngành Kinh tế, Ngoại ngữ, Thương mại điện tử** |
| 1 | Học phí tạm thu (18TC) | 345.000 đ/1TC x 18TC = **6.210.000 đồng** | 286.000 đ/1TC x 18TC **= 5.148.000 đồng** |
| 2 | Các khoản thu khác trong năm học 2021 – 2022 | **858.220 đồng** | **858.220 đồng** |
| 2.1 | Khám Sức khỏe; Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện); Thư viện; Giấy thi, giấy nháp; Thẻ Sinh viên; Tài liệu học tập đầu khóa *(Niên giám, Giáo dục định hướng)* | 295.000 đồng | 295.000 đồng |
| 2.2 | Bảo hiểm y tế (tạm thu) *Thời hạn sử dụng* *BHYT từ 01/01/2022 đến 31/12/2022* | 563.220 đồng | 563.220 đồng |
| 3 | Lệ phí xét tuyển | **30.000 đồng** | **30.000 đồng** |
| **Tổng cộng** | | **7.098.220 đồng** | **6.036.220 đồng** |

**2. Cao đẳng - Chất lượng cao:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thu** | **Khối ngành Kỹ thuật, Du lịch, Khách sạn, Nhà hàng** | **Khối ngành Kinh tế, Ngoại ngữ, Thương mại điện tử** |
| 1 | Học phí tạm thu (18TC) | 413.000 đ/1TC x 18TC = **7.434.000 đồng** | 343.000 đ/1TC x 18TC = **6.174.000 đồng** |
| 2 | Các khoản thu khác trong năm học 2021 - 2022 | **858.220 đồng** | **858.220 đồng** |
| 2.1 | Khám Sức khỏe; Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện); Thư viện; Giấy thi, giấy nháp; Thẻ Sinh viên; Tài liệu học tập đầu khóa *(Niên giám, Giáo dục định hướng)* | 295.000 đồng | 295.000 đồng |
| 2.2 | Bảo hiểm y tế (tạm thu) *Thời hạn sử dụng* *BHYT từ 01/01/2022 đến 31/12/2022* | 563.220 đồng | 563.220 đồng |
| 3 | Lệ phí xét tuyển | **30.000 đồng** | **30.000 đồng** |
| **Tổng cộng** | | **8.322.220 đồng** | **7.062.220 đồng** |

**3. Cao đẳng chất lượng cao song hành Vinfast:**

+ Học phí tạm thu: **8.250.000 đồng**

+ Các khoản thu khác trong năm học 2021 - 2022: **858.220 đồng**

+ Lệ phí xét tuyển: **30.000 đồng**

**4. Cao đẳng chất lượng cao thực tập tốt nghiệp tại Nhật:**

+ Học phí tạm thu: **8.250.000 đồng**

+ Các khoản thu khác trong năm học 2021 - 2022: **858.220 đồng**

+ Lệ phí xét tuyển: **30.000 đồng**

**5. Cao đẳng Liên thông:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung thu** | **Khối ngành Kỹ thuật, Du lịch, Khách sạn, Nhà hàng** | **Khối ngành Kinh tế, Ngoại ngữ, Thương mại điện tử** |
| 1 | Học phí tạm thu (18TC) | 481.000 đ/1TC x 18TC = **8.658.000 đồng** | 399.000 đ/1TC x 18TC = **7.182.000 đồng** |
| 2 | Các khoản thu khác trong năm học 2021 - 2022 | **858.220 đồng** | **858.220 đồng** |
| 2.1 | Khám Sức khỏe; Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện); Thư viện; Giấy thi, giấy nháp; Thẻ Sinh viên; Tài liệu học tập đầu khóa *(Niên giám, Giáo dục định hướng)* | 295.000 đồng | 295.000 đồng |
| 2.2 | Bảo hiểm y tế (tạm thu) *Thời hạn sử dụng BHYT từ 01/01/2022 đến 31/12/2022* | 563.220 đồng | 563.220 đồng |
| 3 | Lệ phí xét tuyển | **100.000 đồng** | **100.000 đồng** |
| **Tổng cộng** | | **9.616.220 đồng** | **8.140.220 đồng** |

**6. Cao đẳng hệ 4 năm (Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm)**

| **STT** | **Nội dung thu** | **Khối ngành Kỹ thuật, Du lịch, Khách sạn, Nhà hàng** | **Khối ngành Kinh tế, Ngoại ngữ, Thương mại điện tử** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Học phí tạm thu (18TC) | 301.000 đ/1TC x 18TC = **5.418.000 đồng** | 253.000 đ/1TC x 18TC = **4.554.000 đồng** |
| 2 | Các khoản thu khác trong năm học 2021 - 2022 | **908.220 đồng** | **908.220 đồng** |
| 2.1 | Khám Sức khỏe; Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện); Thư viện; Giấy thi, giấy nháp; Thẻ Sinh viên; Tài liệu học tập đầu khóa *(Niên giám, Giáo dục định hướng);* Sổ liên lạc điện tử | 345.000 đồng | 345.000 đồng |
| 2.2 | Bảo hiểm y tế (tạm thu) *Thời hạn sử dụng* *BHYT từ 01/01/2022 đến 31/12/2022* | 563.220 đồng | 563.220 đồng |
| 3 | Lệ phí xét tuyển | **30.000 đồng** | **30.000 đồng** |
| **Tổng cộng** | | **6.356.220 đồng** | **5.492.220 đồng** |

**7. Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3 (1 năm 3 tháng)**

| **STT** | **Nội dung thu** | **Khối ngành Kỹ thuật, Du lịch, Khách sạn, Nhà hàng** | **Khối ngành Kinh tế, Ngoại ngữ, Thương mại điện tử** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Học phí tạm thu (18TC) | 301.000 đ/1TC x 18TC = **5.418.000 đồng** | 253.000 đ/1TC x 18TC = **4.554.000 đồng** |
| 2 | Các khoản thu khác trong năm học 2021 - 2022 | **858.220 đồng** | **858.220 đồng** |
| 2.1 | Khám Sức khỏe; Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện); Thư viện; Giấy thi, giấy nháp; Thẻ Sinh viên; Tài liệu học tập đầu khóa *(Niên giám, Giáo dục định hướng)* | 295.000 đồng | 295.000 đồng |
| 2.2 | Bảo hiểm y tế (tạm thu) *Thời hạn sử dụng* *BHYT từ 01/01/2022 đến 31/12/2022* | 563.220 đồng | 563.220 đồng |
| 3 | Lệ phí xét tuyển | **30.000 đồng** | **30.000 đồng** |
| **Tổng cộng** | | **6.306.220 đồng** | **5.442.220 đồng** |

**Sau khi nhà trường nhận được thông báo từ hệ thống ngân hàng về tiền học phí và các khoản thu khác của sinh viên đã nộp, nhà trường sẽ nhắn tin thông báo cho sinh viên qua số điện thoại đăng ký biết được Mã sinh viên, mật khẩu để sinh viên đăng nhập vào tài khoản sinh viên tra cứu các thông tin về học phí đã đóng, lịch học và các thông tin của nhà trường, ….**

**\* BƯỚC 2. NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC**

Sau khi sinh viên nhận được thông báo của nhà trường về việc đã nộp học phí và các khoản thu khác thì đến trường trước ngày nhập học để nộp hồ sơ.

Hồ sơ gồm có:

* Giấy báo trúng tuyển của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM (nhận tại trường);
* Học bạ (bản sao);
* Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (bản sao);
* Giấy khai sinh (bản sao);
* Hộ khẩu thường trú ( bản sao);
* Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên (bản sao, nếu có);

**Các bản sao nếu không có công chứng, thí sinh mang theo bản gốc để nhà trường đối chiếu.**

\* Trường hợp sinh viên muốn nhận Biên lai đóng tiền học phí và các khoản thu khác thì liên hệ Phòng Kế hoạch – Tài chính của trường để nhận.